TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2022/HSPT
Ngày 05-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh.**

Ông **Nguyễn Văn Tào.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thẩm tra viên T án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông **Lê Ra** và ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05-5-2021, tại trụ sở. T án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2021/TLPT-HS ngày 05-01-2021 đối với bị cáo **Nguyễn Tuấn A** cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2021/HS-ST ngày 23-11-2020 của T án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1954 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT: thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV VLXD - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 359-QĐ/UBKTTU ngày 14-5-2020 của Ủy Ban kiểm tra Thành ủy Đà Nẵng); con ông Nguyễn Quang T và bà Trần Thị L; vợ là Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1983 và có 07 con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12-02-2020, thay thế biện pháp Tạm giam bằng Bảo lĩnh ngày 15-5-2020; hiện đang tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 tại Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Phó tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV VLXD - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 03-QĐ/UBKTQU

ngày 01-9-2020 của Ủy Ban kiểm tra Quận ủy T); con ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị N; vợ là Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1968 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Cung Thượng H, sinh năm 1966 tại Đà Nẵng; nơi đăng ký HKTT: thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: thành phố Đà Nẵng; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Dự án tái định cư Công ty TNHH MTV VLXD - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 09-QĐ/UBKTĐU ngày 10-3-2020 của Ủy Ban kiểm tra Đảng ủy Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng); con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị T; vợ là Huỳnh Thị Băng T, sinh năm 1967 và có 1 con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25-02-2020, được thay thế biện pháp Tạm giam bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 05-01-2022; hiện đang tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn A:*

Luật sư **Nguyễn Ngô Quang N** - Công ty TNHH C, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B:* Luật sư **Trần T L** - Công ty TNHH H Tiêu, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng và Luật sư **Nguyễn Đình T** - Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Cung Thượng H:* Luật sư **Trương Văn B** - Công ty Luật TNHH hai thành viên B và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự:* **Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng**; địa chỉ trụ sở: quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **V Tấn H**- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng (là đơn vị được UBND thành phố Đà Nẵng giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các dự án).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **V Tấn H**- Chức vụ: Phó Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

2. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng - Xây lắp và kinh doanh nhà Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng - Xây lắp và kinh doanh nhà Đà Nẵng); địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Đình H**- Chức vụ: Phó Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn T**- Chức vụ: Phó giám đốc Ban Quản lý dự án, có mặt tại phiên tòa.

4. Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và Chuyển giao công nghệ B; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Văn T**- Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt.

5. Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh T**(đã chết).

6. Viện Quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quang T** có mặt tại phiên tòa.

7. Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định H; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Văn C**- Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt.

8. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng H; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành N**- Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt.

9. Công ty TNHH Tư vấn xây dựng M; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân T** có mặt tại phiên tòa.

10. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ T; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Hồ Nguyễn Hoài V**- Chức vụ: Phó Giám đốc công ty, có mặt tại phiên tòa.

11. Công ty TNHH Thương mại tổng hợp P; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đỗ Quốc H** vắng mặt.

12. Công ty Cổ phần M ; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng,

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Mai Thị Thùy D**- Chức vụ: Giám đốc công ty, có mặt tại phiên tòa.

13. Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại T; địa chỉ trụ sở: thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Mai Thị T** - Chức vụ: Giám đốc công ty, có mặt tại phiên tòa.

14. Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy T; địa chỉ trụ sở: Số 01 N, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

15. Ông **Phan Văn K**, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Nhà số 02 H quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K:* Luật sư **Lê Văn A**, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

16. Bà **Nguyễn Thị L H**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

17. Ông **Ngô Quốc H**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

18. Bà **Lê Thị N B**, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

19. Ông **Lê Văn T** sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

20. Ông **Thái N T** sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

21. Ông **V Văn L** sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

22. Ông **Lê Quang M** sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Ông **Nguyễn Quốc P** sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

24. Ông **Phan T L** địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

25. Bà **Lê Hoàng A**; địa chỉ cư trú: quận C, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

26. Ông **V Xuân T**, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

27. Ông **Trần Gia N**; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

28. Ông **V Minh T**, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

29. Ông **Nguyễn A V**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

30. Ông **Phan T Đà H**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

31. Ông **Nguyễn Hữu L**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

32. Ông **Cù F T**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú:, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

33. Ông **V Thế D**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

34. Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

35. Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

36. Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1938; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng (đã

chết).

37. Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

38. Ông **Lê Minh S**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

39. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

40. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

41. Ông **Mai Quang A**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

42. Ông **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

43. Ông **Đào Văn C**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

44. Ông **Nguyễn Đăng S**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

45. Ông **Phạm N C**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: quận L, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

46. Ông **Đặng Công H**, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

47. Ông **Nguyễn T T**, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

48. Bà **Huỳnh Thị Băng T**, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng (là vợ bị cáo H), có mặt tại phiên tòa.

49. Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: quận H, thành phố Đà Nẵng (là vợ bị cáo B), có mặt tại phiên tòa.

50. Ông **Nguyễn T F**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: quận S, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

51. Bà **Dương Thị Diễm L**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: quận T, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người giám định:*

Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Thọ Phạm N** - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng, tiền thân là Công ty VLXD và đá xuất khẩu, thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định số 3162/QĐ-UB ngày 05-11-1992 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau nhiều lần đổi tên, đến năm 2010, công ty có tên là Công ty Vật liệu xây dựng - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng.

Tại Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 25-6-2010, UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Đề án chuyển Công ty VLXD - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng thành Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng - Xây lắp và Kinh doanh nhà Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Công ty VLXD), do UBND thành phố Đà Nẵng làm chủ sở hữu, được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty TNHH MTV và Luật Doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo luật định, trong các ngành nghề đăng ký có ngành nghề: Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán xây dựng công trình và đấu thầu công trình, giám sát kỹ thuật thi công, khảo sát địa hình, địa chất công trình…); điều hành các dự án hạ tầng kỹ thuật, bố trí tái định cư (thực hiện giải tỏa đền bù, quản lý thi công hạ tầng kỹ thuật, bố trí tái định cư….).

Như vậy, Công ty VLXD là doanh nghiệp Nhà nước, do UBND thành phố Đà Nẵng làm chủ sở hữu. Ngoài sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, thì tại Quyết định số 4769/QĐ-UBND ngày 25-6-2010, UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty VLXD, trong đó:

"Điều 14: Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 20: Bộ máy giúp việc:

1. Phó tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Kế toán trưởng là người giúp Tổng Giám đốc tổ chức công tác kế toán, thống kê của công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc giúp Tổng Giám đốc công ty trong quản lý, điều hành công việc theo chức năng và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao".

Nguyễn Tuấn A được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Tổng Giám đốc Công ty VLXD (theo Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 30-6-2010 của UBND thành phố Đà Nẵng). Tại Điều 18 - Chương IV Quy chế phân cấp quản lý của Công ty VLXD quy định: *"Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty; thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước pháp luật Nhà nước, chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên về mọi hoạt động sản*

xuất kinh doanh của doanh nghiệp".

Nguyễn Văn B được bổ nhiệm chức vụ Phó tổng Giám đốc Công ty VLXD (theo Quyết định số 1838/QĐ-CT ngày 04-8-2010 của Công ty VLXD). Nhiệm vụ cụ thể của Nguyễn Văn B được quy định tại Điều 19 Quy chế Phân cấp quản lý của Công ty VLXD (ban hành kèm theo Quyết định số 2680/QĐ-CT ngày 20-10-2010 của Công ty VLXD) và Quyết định số 1889/QĐ-CT ngày 21-8-2010 do Nguyễn Tuấn A ký ban hành phân công nhiệm vụ cho Nguyễn Văn B: *"Giúp Tổng Giám đốc công ty trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phòng Dự án tái định cư và Phòng Quản lý dự án và kỹ thuật công ty; ký các hồ sơ có liên quan đến công tác giải tỏa đền bù, thi công hạ tầng kỹ thuật các dự án do công ty điều hành và những yêu cầu công việc được phân công; ký các văn bản giấy tờ được phân công…"*. Như vậy, Nguyễn Văn B có trách nhiệm trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, giúp Tổng Giám đốc công ty điều hành toàn bộ các hoạt động đầu tư xây dựng các công trình mà công ty được UBND thành phố Đà Nẵng giao.

Trong hoạt động quản lý, điều hành các Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, có liên quan đến 02 phòng chuyên môn của công ty là Phòng Dự án tái định cư và Phòng Quản lý dự án và kỹ thuật. Nhiệm vụ cụ thể của 02 phòng nghiệp vụ này được quy định tại các Điều 25 và 27 Quy chế Phân cấp quản lý của Công ty VLXD (ban hành kèm theo Quyết định số 2680/QĐ-CT ngày 20-10-2010) và Quyết định số 1088/QĐ-CT ngày 20-5-2010, do Nguyễn Tuấn A ban hành về việc thành lập Tổ Quy hoạch thuộc Phòng Dự án tái định cư. Nhiệm vụ cụ thể của từng phòng như sau:

- Phòng Dự án tái định cư do Hoàng Cung Thượng H làm Trưởng phòng (được bổ nhiệm theo Quyết định số 1918/QĐ-CT ngày 04-8-2010 của công ty) có chức năng tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc công ty các công việc liên quan đến công tác giải tỏa, đền bù, bố trí tái định cư, lập các thủ tục thu hồi đất, các công việc có liên quan đến quá trình lập hồ sơ quy hoạch và hồ sơ dự án đầu tư xây dựng (trong đó có bước khảo sát công trình phục vụ lập hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế).

- Phòng Quản lý dự án và kỹ thuật do Phan T Đà H làm Trưởng phòng có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc công ty về tổ chức quản lý, điều hành hoạt động xây dựng của công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Đối với các dự án mà công ty điều hành, quản lý, thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, kiểm tra, giám sát công tác thi công xây dựng, tiến độ thi công xây dựng, kiểm tra hồ sơ dự toán thiết kế, các thủ tục pháp lý trong công tác lựa chọn nhà thầu thi công, tổ chức nghiệm thu khối lượng thực hiện làm cơ sở thanh quyết toán công trình.

Trong quá trình hoạt động, Công ty VLXD được UBND thành phố Đà Nẵng (đơn vị quyết định đầu tư) và Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư) giao nhiệm vụ và ủy quyền thay mặt chủ đầu tư thực hiện quản lý, điều hành một số dự án công trình Khu tái định cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ khâu chuẩn bị đầu tư cho đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng, trong đó có Dự án Khu tái định cư Hòa L 3, Hòa L 4 - huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong hoạt động xây dựng, tại Điều 4 Chương II Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31-7-2009 của Bộ Xây dựng quy định: *"Chủ đầu tư có nhiệm vụ tổ chức quản lý toàn diện chất*

lượng công trình xây dựng kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tuân thủ các quy định của Luật xây dựng". Việc giao nhiệm vụ cho Công ty VLXD được thể hiện tại các văn bản sau:

- Công trình Khu tái định cư Hòa L 3: Công văn số 1753/UBND-QLĐTh ngày 24-3-2010 của UBND thành phố Đà Nẵng và Giấy ủy quyền số 796/UQ-QLDA ngày 04-8-2010 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng.

- Công trình Khu tái định cư Hòa L 4: Công văn số 1246/UBND-QLĐTh ngày 01-3-2010 của UBND thành phố Đà Nẵng và Giấy ủy quyền số 419/UQ-QLDA ngày 29-3-2010 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng.

Trong công tác điều hành hoạt động xây dựng các công trình nêu trên, Công ty VLXD có nhiều sai phạm, không tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, dẫn đến trong quá trình thi công và sử dụng công trình bị sụt lún, không đảm bảo chất lượng, gây thiệt hại cho Ngân sách thành phố, cụ thể như sau:

Đối với công trình Khu tái định cư Hòa L 3:

Ngày 28-12-2009, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 9076/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 3 (phục vụ giải tỏa Khu công nghệ cao và Khu công nghệ thông tin), sau đó phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 5882/QĐ-UBND ngày 12-7-2011, với diện tích quy hoạch chi tiết sử dụng đất là 135.169 m^2.

Ngày 30-9-2011, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 8529/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hòa L 3, sau đó phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 10215/QĐ-UBND ngày 10-12-2012, tổng mức đầu tư xây dựng công trình là 105.647.271.000 đồng.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, ngày 30-6-2010 Nguyễn Tuấn A, đại diện Công ty VLXD (bên A) ký Hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT với Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và Chuyển giao công nghệ B (sau đây viết tắt là Công ty B), người đại diện là Phan Văn T - Giám đốc công ty (bên B), với nội dung tại Điều 1 của hợp đồng: *"Bên A giao cho bên B thực hiện các công việc khảo sát thiết kế, lập hồ sơ dự án và thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán công trình hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 3 theo đúng quy định hiện hành".* Kết quả đạt được theo hợp đồng là 09 bộ hồ sơ khảo sát, 04 bộ hồ sơ dự án và 09 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự toán, nhưng sau đó Nguyễn Tuấn A đã bỏ qua công tác khảo sát địa chất công trình, không yêu cầu Công ty B lập nhiệm vụ khảo sát và không phê duyệt nhiệm vụ khảo sát này; không ký Phụ lục hợp đồng để bổ sung giá trị khảo sát địa chất công trình và giao khối lượng, nhiệm vụ khảo sát để Công ty B thực hiện, vi phạm quy định tại khoản 1.1, 1.3 Mục 3 Phần III Thông tư số 06/2006/TT-BXD ngày 10-11-2006 của Bộ Xây dựng; Điều 4 Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31-7-2009 của Bộ Xây dựng; Điều 6 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ; điểm a khoản 2 Điều 50 của Luật Xây dựng năm 2003. Trong bước thiết kế xây dựng công trình, Nguyễn Tuấn A không yêu cầu đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình để phê duyệt làm cơ sở triển khai công tác thiết kế, vi phạm quy định tại Điều 8 Chương III Thông tư

27/2009/TT-BXD ngày 31-7-2009 của Bộ Xây dựng, điểm a khoản 1 Điều 13, Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ và điểm b khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2003.

Nguyễn Văn B được bổ nhiệm chức vụ Phó tổng Giám đốc Công ty VLXD, được giao nhiệm vụ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, giúp Tổng Giám đốc công ty điều hành toàn bộ các hoạt động đầu tư xây dựng các công trình mà công ty được UBND thành phố Đà Nẵng giao điều hành quản lý. Trong hoạt động xây dựng công trình Khu tái định cư Hòa L 3, Nguyễn Văn B đã không yêu cầu Công ty B (đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình) lập nhiệm vụ khảo sát, để tham mưu, đề xuất cho Nguyễn Tuấn A phê duyệt, làm cơ sở triển khai công tác khảo sát xây dựng công trình, dẫn đến công tác khảo sát địa chất công trình bị bỏ qua không thực hiện. Đến ngày 30-12-2011, Nguyễn Văn B đại diện Công ty VLXD ký biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 3 với ông Phan Văn T là Giám đốc Công ty B. Mặc dù, hồ sơ thiết kế công trình này được lập mà không có kết quả khảo sát địa chất công trình, không có nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở là không đủ căn cứ để nghiệm thu, nhưng vẫn được B nghiệm thu, giao cho nhà thầu thi công để tổ chức thi công, dẫn đến hậu quả công trình bị sụt lún, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ về căn cứ nghiệm thu hồ sơ thiết kế: "… Hợp đồng giao nhận thầu thiết kế xây dựng công trình; nhiệm vụ thiết kế; quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng…".

Hoàng Cung Thượng H giữ chức vụ Trưởng phòng Phòng Dự án tái định cư - Công ty VLXD đã không yêu cầu Công ty B lập nhiệm vụ khảo sát để tham mưu, đề xuất cho Nguyễn Tuấn A phê duyệt làm cơ sở triển khai công tác khảo sát xây dựng công trình, dẫn đến công tác khảo sát địa chất công trình bị bỏ qua không thực hiện.

Tại Kết luận giám định số 66/BC-TTKĐ ngày 11-7-2019, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đối với Công trình ***Khu tái định cư Hòa L 3*** *đã xác định các sai phạm của đơn vị điều hành dự án dẫn đến sự cố sụt lún công trình:*

- Không yêu cầu lập nhiệm vụ và không phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 của Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ.

- Nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở triển khai công tác thiết kế không được thực hiện và cũng không được phê duyệt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ và Điều 8 Thông tư số 27/2009/TT-BXD.

- Khi nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng đã không phát hiện thiếu sót trong hồ sơ thiết kế để xử lý, vi phạm Điều 16 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2008/NĐ-CP của C phủ.

- Trong quá trình thi công không phát hiện sụt lún, chênh lệch cao trình để yêu cầu xử lý.

Thiệt hại do công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 3 bị sụt lún (theo đơn giá thời điểm tháng 5-2011) là **2.250.581.000 đồng.**

Đối với công trình Khu tái định cư Hòa L 4:

UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các Quyết định phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Khu tái định cư Hòa L 4 (phục vụ giải tỏa Khu đô thị sinh thái Quan Nam - Thủy Tú), cụ thể:

- Quyết định phê duyệt số 351/QĐ-UBND ngày 14-01-2010, với diện tích quy hoạch sử dụng đất là 406.949 m^2.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 5450/QĐ-UBND ngày 28-6-2011, điều chỉnh giảm diện tích quy hoạch sử dụng đất còn 397.595 m^2.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 6936/QĐ-UBND ngày 11-8-2011, điều chỉnh chia dự án thành 02 giai đoạn, giai đoạn 1: 89.618 m^2, giai đoạn 2: 236.545 m^2 và tuyến mương thoát nước là 71.431 m^2.

Về hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư Hòa L 4 (giai đoạn 1 và giai đoạn 2) được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại các quyết định sau:

- Dự án công trình Hòa L 4 - Giai đoạn 1: Quyết định số 9086/QĐ-UBND ngày 20-10-2011, với tổng mức đầu tư Dự án là 61.339.189.000 đồng.

- Dự án công trình Hòa L 4 - Giai đoạn 2: Quyết định số 11320/QĐ-UBND ngày 31-12-2011, với tổng mức đầu tư Dự án là 150.988.045.000 đồng.

Giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng Công trình Khu tái định cư Hòa L 4, Nguyễn Tuấn A đã lựa chọn nhà thầu khảo sát, ký kết hợp đồng và giao nhiệm vụ để nhà thầu khảo sát thực hiện, cụ thể:

- Ngày 12-9-2010, Nguyễn Tuấn A đại diện Công ty VLXD (bên A) ký Hợp đồng kinh tế số 165A/HĐKTl; ngày 01-7-2011, ký Phụ lục Hợp đồng số 165A-1/PL-HĐKT với Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc M (bên B) đại diện là ông Huỳnh T - Giám đốc công ty về việc khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công dự toán công trình Khu tái định cư Hòa L 4.

- Trước đó, Nguyễn Tuấn A ký ban hành Quyết định số 965/QĐ-CT ngày 14-5-2010 về việc phê duyệt Nhiệm vụ và Phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình, với nội dung: Tổ chức khảo sát địa chất toàn bộ công trình Hòa L 4, với số lượng 14 lỗ khoan, trong đó có 07 lỗ khoan cầu và 07 lỗ khoan đường, giao cho Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc M tổ chức thực hiện, giao cho Phòng Dự án tái định cư chịu trách nhiệm giám sát, quản lý chất lượng và nghiệm thu kết quả khảo sát công trình. Tổng chi phí khảo sát địa chất 14 lỗ khoan là 402.881.228 đồng. Số tiền đã thanh toán cho Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc M là 322.305.000 đồng (tương ứng 80% giá trị Hợp đồng).

Sau khi UBND thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 6936/QĐ-UBND ngày 11-8-2011 điều chỉnh quy hoạch Dự án công trình Khu tái định cư Hòa L 4, chia dự án thành 02 giai đoạn; ngày 01-11-2011, Nguyễn Tuấn A đại diện Công ty VLXD (bên A) ký Hợp đồng kinh tế số 241/2011/HĐ với Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng, người đại diện là ông Thái N T - Phó Viện trưởng (bên B), với gói thầu: "Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán chi tiết hạng mục san nền, giao thông, thoát nước công trình Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2".

Lẽ ra, với trách nhiệm của đơn vị điều hành dự án, Nguyễn Tuấn A phải chỉ đạo cấp dưới của mình cung cấp hồ sơ kết quả khảo sát của 12 lỗ khoan thuộc phạm vi công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 cho Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng làm cơ sở thiết kế, nhưng Nguyễn Tuấn A không chỉ đạo bàn giao, mà tiếp tục yêu cầu Viện Quy hoạch "Đề xuất nhiệm vụ khảo sát phục vụ thiết kế" tại Điều 5 Hợp đồng số 241/2011/HĐ về nội dung và khối lượng thiết kế xây dựng công trình. Đến ngày 07-01-2013, Nguyễn Tuấn A tiếp tục đại diện Công ty VLXD ký Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng kinh tế số 241-2011/PL1 về việc bổ sung khoan khảo sát địa chất và thiết kế bản vẽ thi công Dự toán hạng mục Cầu số 2 thuộc Công trình Khu TĐC Hòa L 4 - Giai đoạn 2, đồng thời ký phê duyệt Phương án kỹ thuật khảo sát địa chất công trình, hạng mục cầu số 02 với số lượng 02 lỗ khoan. Chi phí đã thanh toán cho Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng thực hiện khảo sát địa chất đối với 02 lỗ khoan này là 158.621.000 đồng. Việc Nguyễn Tuấn A không chỉ đạo bàn giao kết quả khảo sát cho Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng đã vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2003 quy định về nghĩa vụ của chủ đầu tư: "Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho nhà thầu thiết kế".

Trong giai đoạn thiết kế xây dựng công trình, Nguyễn Tuấn A không yêu cầu Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng lập nhiệm vụ thiết kế và phê duyệt làm cơ sở để triển khai thiết kế và làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá chất lượng hồ sơ thiết kế khi nghiệm thu, vi phạm quy định quy định tại Điều 8 Chương III Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31-7-2009 của Bộ Xây dựng, điểm a khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ và điểm b khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2003.

Quá trình triển khai công tác khảo sát địa chất công trình Khu tái định cư Hòa L 4, Công ty VLXD đã nghiệm thu hồ sơ khảo sát địa chất công trình tại Biên bản nghiệm thu ngày 10-5-2011, do Nguyễn Văn B ký; Biên bản nghiệm thu ngày 10-9-2011, do Hoàng Cung Thượng H ký. Với vai trò là đơn vị điều hành dự án, Công ty VLXD có nghĩa vụ phải cung cấp kết quả khảo sát địa chất của 12 lỗ khoan thuộc phạm vi công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 cho Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng làm cơ sở lập hồ sơ thiết kế. Tuy nhiên, sau khi nghiệm thu kết quả khảo sát địa chất công trình, có được báo cáo kết quả khảo sát, với trách nhiệm giám sát, thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu theo Quyết định số 965/QĐ-CT ngày 14-5-2010, Hoàng Cung Thượng H đã không bàn giao kết quả khảo sát địa chất này cho Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng để làm căn cứ thiết kế.

Nguyễn Văn B được phân công nhiệm vụ theo dõi chỉ đạo các công việc của Phòng Dự án tái định cư cũng không kiểm tra, chỉ đạo Hoàng Cung Thượng H thực hiện bàn giao kết quả khảo sát địa chất công trình cho Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng để làm cơ sở thiết kế, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2003 quy định về nghĩa vụ của chủ đầu tư: "Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho nhà thầu thiết kế". Do kết quả khảo sát địa chất không được bàn giao cho đơn vị thiết kế, nên công tác lập hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 không đúng quy định của pháp luật.

Giai đoạn thiết kế xây dựng công trình, Nguyễn Văn B đã không yêu cầu đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế để tham mưu cho Nguyễn Tuấn A phê duyệt, nên bước này bị bỏ qua không thực hiện, vi phạm quy định tại Điều 8 Chương III Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31-7-2009 của Bộ Xây dựng, điểm a khoản 1 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ và điểm b khoản 2 Điều 57 của Luật Xây dựng năm 2003. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả khảo sát địa chất không được chuyển đến đơn vị tư vấn thiết kế, nên việc triển khai công tác thiết kế của Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng thiếu căn cứ và cũng không có cơ sở để kiểm tra, đánh giá chất lượng hồ sơ thiết kế khi nghiệm thu.

Hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 được lập mà không căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất công trình, không có nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở, nhưng vẫn được Hoàng Cung Thượng H kiểm tra, tham mưu, ký nháy để Nguyễn Văn B ký biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 ngày 25-11-2011 với Thái N T là Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP về căn cứ nghiệm thu hồ sơ thiết kế: "… Hợp đồng giao nhận thầu thiết kế xây dựng công trình; nhiệm vụ thiết kế; quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng…". Tại biên bản này, Nguyễn Văn B đánh giá chất lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (gồm 09 bộ) là phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt và chấp nhận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình. Như vậy, hồ sơ thiết kế công trình không đảm bảo, nhưng vẫn được Hoàng Cung Thượng H và Nguyễn Văn B nghiệm thu, giao cho nhà thầu thi công để tổ chức thi công, dẫn đến hậu quả công trình bị sụt lún.

Tại Kết luận giám định số 110/BC-TTKĐ ngày 02-12-2019 đối với Công trình ***Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2****, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đã xác định các sai phạm của đơn vị điều hành dự án dẫn đến sự cố sụt lún công trình:*

- Không yêu cầu lập nhiệm vụ và không phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 của Luật Xây dựng số 16/2003/QH11; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 của C phủ.

- Nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở triển khai công tác thiết kế không được thực hiện và cũng không được phê duyệt theo quy định điểm b, Khoản 2, Điều 57 Luật xây dựng số 16/2003/QH11; Điều 14 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 và Điều 8 của Thông tư số 27/2009/TT-BXD.

- Khi nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng đã không phát hiện thiếu sót trong hồ sơ thiết kế để xử lý, vi phạm Điều 16 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16-12-2004 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2008/NĐ-CP của C phủ.

- Trong quá trình thi công không phát hiện sụt lún, chênh lệch cao trình để yêu cầu xử lý.

Hành vi của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền đã chi phí để khảo sát 12 lỗ khoan địa chất tại công

trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 số tiền 283.823.472 đồng và làm cho công trình bị sụt lún gây thiệt hại số tiền 6.719.599.714 đồng (theo đơn giá tại thời điểm tháng 9-2011).

Như vậy, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H đã gây hậu quả thiệt hại cho các công trình Khu tái định cư Hòa L 3, Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là 9.254.004.186 đồng.

- Riêng đối với dự án hạ tầng kỹ thuật Hoà L 4 - Giai đoạn 1, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đã giám định và kết luận công trình này cũng bị sụt lún với giá trị thiệt hại là 1.180.814.745 đồng. Tuy nhiên, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình này được phê duyệt tại Quyết định số 460/QĐ-SXD ngày 16-8-2010, có đánh giá địa chất công trình, có đề xuất việc xử lý nền đất yếu và yêu cầu lắp đặt hệ thống mốc quan trắc để kịp thời phát hiện và xử lý những sự cố công trình có thể xảy ra, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra và tiếp tục điều tra, xác định các sai phạm trong quá trình thi công xây dựng, dẫn đến sự cố sụt lún công trình này để xử lý sau.

Ngoài ra, kết luận điều tra và cáo trạng cũng kết luận: Ngoài hành vi phạm tội của Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra bước đầu đã xác định được hành vi sai phạm của một số tổ chức, cá nhân khác thuộc các đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị khảo sát công trình, đơn vị tư vấn thẩm tra, đơn vị thẩm định, đơn vị tư vấn giám sát và đơn vị thi công công trình trong việc triển khai thiết kế, thẩm tra, thẩm định, giám sát và thi công các công trình dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hoà L 3, Hoà L 4 (giai đoạn 1, 2) có dấu hiệu của các tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" và tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng do đã hết thời hạn điều tra mà chưa có đủ căn cứ để khởi tố bị can, nên ngày 04-7-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 02/CSĐT-KT đối với vụ án "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" do Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H thực hiện để truy tố; đối với các cá nhân có liên quan khác Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định số 10/CSĐT-KT ngày 10-7-2020 tạm đình chỉ vụ án để tiếp tục thu thập đủ hồ sơ, tài liệu chứng cứ đảm bảo căn cứ khởi tố, thì sẽ ra quyết định phục hồi điều tra để khởi tố, điều tra theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã thực hiện biện pháp Kê biên tài sản để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại, như sau:

- Lệnh Kê biên tài sản số 01/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số L-24, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Lô L-24 Khu dân cư số 06 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 143792 ngày 03-12-2007, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Hoàng Cung Thượng H.

- Lệnh Kê biên tài sản số 02/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 161, 163, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: số 63 - 65 T H, phường T Bình, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 61675 ngày 24-11-2009, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Nguyễn Văn B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền

sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 593334 ngày 09-02-2010, do UBND quận H cấp cho Nguyễn Văn B.

- Đối với Nguyễn Tuấn A, qua điều tra xác định bị cáo không đứng tên chủ sở hữu các bất động sản và tài sản khác có giá trị. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không ra Lệnh kê biên tài sản đối với bị cáo, nhưng sau đó đã có văn bản yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm dừng việc chuyển nhượng vốn sở hữu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T giữa Nguyễn Tuấn A và Nguyễn T T (con trai) để chờ kết quả xét xử của T án.

- Về nộp tiền khắc phục hậu quả:

Quá trình điều tra, Nguyễn Tuấn A nộp 500.000.000 đồng; Nguyễn Văn B nộp 200.000.000 đồng và Hoàng Cung Thượng H nộp 200.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả do hành vi sai phạm của mình gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 23-11-2020, T án nhân dân thành phố Đà Nẵng:

Tuyên bố Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H phạm tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng".

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Tuấn A 05 (**năm**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12-02-2020 đến ngày 15-5-2020 là 03 tháng 04 ngày). Bị cáo còn lại phải chấp hành là **05** (năm) năm **02** (hai) tháng **26** (hai sáu) ngày tù.

2. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn B 04 (**bốn**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hoàng Cung Thượng H 03 (**ba**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25-02-2020.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND thành phố Đà Nẵng số tiền 9.254.004.186 đồng (chín tỷ hai trăm năm tư triệu không trăm linh bốn nghìn một trăm tám sáu đồng), chia theo phần:

- Nguyễn Tuấn A bồi thường 4.627.002.093 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 500.000.000 đồng (đã nộp), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 4.127.002.093 đồng.

- Nguyễn Văn B bồi thường 2.776.201.255 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 200.000.000 đồng (đã nộp), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 2.576.201.225 đồng.

- Hoàng Cung Thượng H bồi thường 1.850.800.837 đồng, nhưng được trừ vào số

tiền 200.000.000 đồng (đã nộp), bị cáo còn phải bồi thường tiếp 1.650.800.837 đồng.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tạm giữ số tiền 700.000.000 đồng (gồm 500.000.000 đồng do Nguyễn Tuấn A nộp, 200.000.000 đồng do Hoàng Cung Thượng H nộp) hiện có tại tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng và 200.000.000 đồng do Nguyễn Văn B nộp tại Biên lai thu tiền số 0000772 ngày 17-9-2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục duy trì:

- Lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số L-24, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Lô L-24 Khu dân cư số 06 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 143792 ngày 03-12-2007, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Hoàng Cung Thượng H.

- Lệnh kê biên tài sản số 02/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 161, 163, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: số 63 - 65 T H, phường T Bình, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 61675 ngày 24-11-2009, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Nguyễn Văn B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 593334 ngày 09-02-2010 do UBND quận H cấp cho Nguyễn Văn B.

- Tiếp tục tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sở hữu vốn tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T giữa bị cáo Nguyễn Tuấn A và ông Nguyễn T T theo Văn bản số 3863/CSĐT-KT ngày 19-10-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự, án phí dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 01-12-2020, Nguyễn Tuấn A kháng cáo kêu oan.

- Ngày 02-12-2020, Hoàng Cung Thượng H kháng cáo xin giảm hình phạt và giảm mức bồi thường thiệt hại.

- Ngày 04-12-2020, Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VC2 ngày 21-12-2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị T án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 23-11-2020 của T án nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 và khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phần tranh tụng,

- Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H đều đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận và xem xét ý kiến trình bày của các bị cáo và cho rằng T án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" là không thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội danh trên, có dấu hiệu oan sai, bỏ lọt người phạm tội và tội phạm, không giải quyết triệt để vụ án, vì các lý do:

+ Công ty VLXD của các bị cáo không phải là chủ đầu tư các dự án mà chỉ là Ban Quản lý, điều hành các dự án. Do đó, theo các quy định của Luật Xây dựng thì Ban Quản lý, điều hành dự án không phải là chủ thể trực tiếp của hoạt động xây dựng và không được Luật Xây dựng quy định về quyền và nghĩa vụ, nên không phải là chủ thể của tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng".

+ Công ty VLXD không có quyền lựa chọn nhà thầu, mà chỉ là người ký kết các hợp đồng kinh tế với các nhà thầu trong hoạt động xây dựng với tư cách là Ban Quản lý, điều hành dự án theo chỉ định thầu của chủ đầu tư là Sở Xây dựng và một số cá nhân trong Sở Xây dựng và UBND thành phố là ông Lê Văn T, ông Phan Văn K và ông Nguyễn A V.

+ Về xác định nhiệm vụ thiết kế: Theo Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn, thì đây là quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư là Sở Xây dựng, không phải của Ban Quản lý, điều hành dự án. Các dự án trong vụ án này được xác định là dự án có thiết kế 2 bước gồm: bước thiết kế cơ sở và bước thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. Theo điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 209/NĐ-CP năm 2004 của C phủ, thì căn cứ để lập thiết kế bản vẽ thi công là: *"Nhiệm vụ thiết kế do chủ đầu tư phê duyệt đối với thiết kế một bước, thiết kế cơ sở được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế hai bước, thiết kế kỹ thuật được phê duyệt đối với trường hợp thiết kế ba bước*". Như vậy, thiết kế cơ sở được phê duyệt trước đó chính là nhiệm vụ thiết kế cho bước thiết kế bản vẽ thi công, không có quy định nào của pháp luật buộc chủ đầu tư hay Ban Quản lý, điều hành dự án phải phê duyệt lại nhiệm vụ thiết kế ở giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công.

+ Về khảo sát địa chất công trình: Các hợp đồng kinh tế ký kết với các nhà thầu tư vấn thiết kế là Công ty B, Công ty Tư vấn kiến trúc M và Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng đều có nội dung giao đề xuất lập nhiệm vụ khảo sát và phương án khảo sát cho các nhà thầu tư vấn thiết kế, nhưng không được các nhà thầu thực hiện. Theo Luật Xây dựng năm 2003, thì đây là nghĩa vụ của các nhà thầu thiết kế và việc phê duyệt nhiệm vụ, phương án khảo sát là quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, không phải của Ban Quản

lý, điều hành dự án. Thực tế, đối với Dự án Hòa L 3, nội dung hợp đồng có giao đề xuất lập nhiệm vụ khảo sát và phương án khảo sát cho Công ty B; Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 có giao đề xuất lập nhiệm vụ khảo sát và phương án khảo sát cho Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng, nhưng các nhà thầu này không triển khai để trình phê duyệt; Dự án Hòa L 4 (chưa phân giai đoạn) có lập nhiệm vụ và phương án khảo sát, ký kết hợp đồng khảo sát với Công ty Tư vấn kiến trúc M, có sử dụng kết quả khảo sát 2 lỗ khoan LKĐ1 và LKĐ2 để phục vụ thiết kế dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 1. Mặt khác, tại thời điểm triển khai, thực hiện dự án thì không có quy định của pháp luật nào đối với dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư bắt buộc phải tiến hành khảo sát địa chất, điều này đã được kết luận giám định xác định, nên không thể quy trách nhiệm cho các bị cáo.

+ Về nghiệm thu các hồ sơ thiết kế: Việc nghiệm thu các hồ sơ thiết kế do nhà thầu tư vấn thiết kế lập là đúng quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 16 và 17 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP của C phủ, bao gồm các căn cứ: Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thiết kế xây dựng công trình; nhiệm vụ thiết kế, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt; hồ sơ thiết kế bao gồm thuyết minh, bản vẽ thiết kế và dự toán, tổng dự toán; tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng và đặc biệt việc nghiệm thu này được thực hiện sau khi đơn vị thẩm tra đã công bố kết quả thẩm tra đạt yêu cầu, đã được Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt. Như vậy, việc ký biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công chỉ là bước thủ tục hoàn thiện để đưa ra thi công, không quyết định chất lượng của hồ sơ thiết kế, nên không thể quy trách nhiệm cho các bị cáo.

+ Về việc không bàn giao kết quả khảo sát 12 lỗ khoan thuộc phạm vi Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 cho Viện Quy hoạch làm cơ sở cho việc thiết kế: Đối với dự án này, Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng, mặc dù biết có kết quả khảo sát của Hòa L 4 khi chưa phân giai đoạn, nhưng không yêu cầu bàn giao, mà sử dụng phương pháp nội suy, lấy kết quả khảo sát do Viện Quy hoạch thực hiện năm 2009 để làm căn cứ thiết kế, nên thuộc trách nhiệm của Viện Quy hoạch, không phải trách nhiệm của các bị cáo.

+ Về kết luận giám định: Trung tâm giám định chất lượng xây dựng là đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng, trong khi Sở Xây dựng là chủ đầu tư các dự án, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên việc giám định của Trung tâm này là không khách quan. Ngoài ra, ngay kết luận giám định cũng đã xác định đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, thì tại thời điểm triển khai thực hiện không có văn bản nào quy định cụ thể về việc khoan khảo sát địa chất công trình, khảo sát hạng mục san nền; đối với hạng mục giao thông, kết luận giám định vận dụng từ tiêu chuẩn ngành của Bộ Giao thông vận tải về Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN263 - 2000 là không phù hợp. Các căn cứ, phương pháp giám định để xác định mức độ sụt lún công trình; xác định nguyên nhân gây sụt lún là do không khảo sát để làm cơ sở cho việc thiết kế là không khách quan, không công bằng, chưa tính toán, xem xét hết các nguyên nhân gây lún công trình như: lún tự nhiên sai số cho phép, lún do thời tiết, lún do thay đổi tầng địa chất, lún do các phương tiện giao thông ra vào công trình, không đủ cao trình do thi công đắp thiếu cao trình; phương pháp tính toán giá trị thiệt hại hay chi phí khắc phục mang tính giả định, không phải là thiệt hại thực tế, căn cứ và dựa vào cao trình theo thiết kế ban đầu là không phù hợp, vì thực tế người quyết định đầu tư cũng đã nhiều lần có quyết

định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh bổ sung các hạng mục, trong đó có cả hạ và nâng cao trình so với cao trình thiết kế ban đầu; giá trị thiệt hại theo kết luận giám định là cao hơn nhiều so với giá trị xử lý thực tế được nêu trong các quyết định phê duyệt điều chỉnh bổ sung và cao hơn chi phí khắc phục thực tế được nêu trong phần 7a của các kết luận giám định, nên cần phải được xem xét, đánh giá lại một cách khách quan, toàn diện, vì điều này ảnh hưởng đến việc định khung hình phạt và xác định nghĩa vụ bồi thường (nếu có) của các bị cáo.

+ Về việc tách sai phạm của các cá nhân có liên quan và trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại thời điểm thực hiện dự án, UBND thành phố Đà Nẵng đã có chủ trương cho phép vừa thiết kế vừa thi công, đây là một nguyên nhân của sự cố công trình, vì vậy UBND thành phố cũng phải chịu một phần trách nhiệm trong sự cố sụt lún đối với các công trình nêu trên; đồng thời, các cá nhân, tổ chức liên quan là các nhà thầu tư vấn thiết kế, thẩm tra, cơ quan thẩm định, thi công công trình và chủ đầu tư phê duyệt các dự án cũng phải chịu trách nhiệm chung đối với tổng thiệt hại đã xảy ra. Việc quy buộc 03 bị cáo có lỗi gián tiếp, không phải là chủ thể trực tiếp trong hoạt động xây dựng phải chịu trách nhiệm hình sự là không công bằng, không thể phân hóa được vai trò đồng phạm, cá thể hoá hình phạt và ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ bồi thường của từng bị cáo trong vụ án.

+ Về trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị và tổ chức có liên quan: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã kết luận và phân tích cụ thể các hành vi sai phạm của các cá nhân có liên quan tại các nhà thầu tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra, cơ quan thẩm định và chủ đầu tư phê duyệt (Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng) và tại phiên tòa sơ thẩm, những cá nhân và tổ chức liên quan cũng thừa nhận trách nhiệm của mình, nhưng T án cấp sơ thẩm cho rằng chưa đủ cơ sở để xác định tội phạm và hết thời hạn điều tra đối với những người này nên tách ra để điều tra, xử lý sau là không đúng pháp luật.

Từ các lập luận nêu trên, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A tranh luận:

Công ty VLXD chỉ là đơn vị được chủ đầu tư là Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng ủy quyền quản lý, điều hành triển khai thực hiện các Dự án Hòa L 3, Hòa L 4.1, Hòa L 4.2 trên hiện trường, không phải là chủ đầu tư của các dự án này. Việc lựa chọn các nhà thầu tư vấn khảo sát thiết kế, thẩm tra, giám sát thi công và nhà thầu thi công là do Sở Xây dựng lựa chọn và chỉ định bắt buộc, Công ty VLXD chỉ ký kết các hợp đồng kinh tế với các đơn vị này, không có quyền lựa chọn.

Trong nội dung các hợp đồng kinh tế ký với các nhà thầu tư vấn thiết kế là Công ty B, Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng đều có nội dung yêu cầu các nhà thầu đề xuất nhiệm vụ và phương án khảo sát xây dựng để phục vụ cho việc thiết kế, nhưng các đơn vị thầu thiết kế này không thực hiện, bị cáo không chỉ đạo bỏ qua bước khảo sát, việc các nhà thầu không lập nhiệm vụ và phương án khảo sát công trình là trách nhiệm của các nhà thầu thiết kế.

Đối với việc xác định nhiệm vụ thiết kế, thì tại các thiết kế cơ sở được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đã nêu ra các yêu cầu cụ thể để thiết kế bản vẽ thi

công và dự toán. Quá trình điều hành, quản lý các dự án theo điều lệ tổ chức, hoạt động của công ty, quy chế phân cấp quản lý của công ty và các quyết định, thông báo phân công nhiệm vụ, thì nhiệm vụ tham mưu, giám sát, kiểm tra chất lượng công tác khảo sát xây dựng được giao cho Phòng Dự án tái định cư do Hoàng Cung Thượng H (là Trưởng phòng) đảm nhận; nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ thiết kế, tham mưu trình ký nghiệm thu là Phòng Quản lý dự án và kỹ thuật do ông Phan T Đà H (là Trưởng phòng) đảm nhận; việc theo dõi, chỉ đạo quá trình triển khai, thực hiện các dự án, nghiệm thu các hồ sơ khảo sát, thiết kế được phân công cho Nguyễn Văn B - Phó tổng Giám đốc đảm nhận.

Bối cảnh triển khai thực hiện các dự án trên là yêu cầu nhanh chóng có hạ tầng để bố trí tái định cư, phục vụ mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội của địa phương, cùng với việc UBND thành phố Đà Nẵng có chủ trương cho phép triển khai thi công các hạng mục song song với bước lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế dự án (đối với công trình Hoà L 4) và chủ trương cho phép triển khai dự án theo hình thức vừa thiết kế vừa thi công (đối với công trình Hoà L 3).

Đối với dự án Hoà L 4, khi chưa phân thành hai giai đoạn, bị cáo có lập nhiệm vụ, phương án khảo sát và ký hợp đồng khảo sát với đơn vị tư vấn thiết kế là Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M. Thực tế có khảo sát, có kết quả khảo sát và có sử dụng kết quả khảo sát này để phục vụ thiết kế Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 1; khi Dự án Hòa L 4 được phân giai đoạn, thì tại Hợp đồng tư vấn thiết kế Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 với Viện Quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng cũng có nội dung giao đơn vị tư vấn thiết kế đề xuất nhiệm vụ và phương án khảo sát trình duyệt, nhưng Viện Quy hoạch không thực hiện, Viện Quy hoạch biết có kết quả khảo sát của Dự án Hòa L 4 khi chưa phân giai đoạn, nhưng không yêu cầu công ty của bị cáo bàn giao kết quả khảo sát, mà căn cứ vào phương pháp nội suy, kết quả khảo sát do Viện Quy hoạch thực hiện năm 2009 để thiết kế là trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế; việc không giao kết quả khảo sát 12 lỗ khoan thuộc phạm vi Công trình Hòa L 4 - Giai đoạn 2 cho Viện Quy hoạch để phục vụ thiết kế là trách nhiệm của Phòng Dự án tái định cư. Việc nghiệm thu các hồ sơ thiết kế do Nguyễn Văn B ký là được thực hiện sau khi công tác thẩm tra, thẩm định được hoàn thành và có kết quả phê duyệt của Sở Xây dựng, nên chỉ là bước tiếp theo của trình tự, chứ không quyết định về chất lượng thiết kế. Sự cố sụt lún công trình là do nhiều nguyên nhân, chứ không chỉ do nền đất yếu; trách nhiệm để xảy ra sự cố sụt lún công trình trước hết thuộc về các đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra và thẩm định hồ sơ thiết kế, không phải do công ty của bị cáo gây ra, nếu có cũng chỉ là trách nhiệm gián tiếp. Kết luận giám định của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng về chi phí khắc phục sự cố sụt lún không công bằng, tính toàn bộ chi phí khắc phục để trả lại cao trình theo đúng cao trình được thiết kế ban đầu, nhưng không tính hết các yếu tố, nguyên nhân gây lún cũng như chỉ số lún cho phép là không khách quan.

Ngoài ra, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi và tạm đình chỉ điều tra đối với các cá nhân có liên quan tại các đơn vị khảo sát địa chất, tư vấn thiết kế công trình, tư vấn thẩm tra, đơn vị thẩm định hồ sơ thiết kế và đơn vị thầu thi công là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án và ảnh hưởng đến việc giải quyết phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án.

Nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận có thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo, triển khai, điều hành các dự án hạ tầng kỹ thuật nêu trên với tư cách là người được uỷ quyền và với tư cách là người đứng đầu đơn vị, có lỗi chứ không có tội và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện và công bằng; xem xét nguyên nhân, bối cảnh của vụ án; nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ, thành tích trong quá trình công tác... để giải quyết vụ án đúng pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Văn B tranh luận:

Bị cáo chỉ là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, không được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ là Kỹ sư xây dựng; việc lập phương án nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở cho việc triển khai các bước thiết kế, ký kết các hợp đồng kinh tế với tư vấn khảo sát, thiết kế, thẩm tra, thẩm định, giám sát thi công và thi công công trình là quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc; việc có tiến hành khảo sát địa chất công trình hay không cũng không thuộc trách nhiệm của bị cáo. Tại thời điểm triển khai thực hiện các dự án trên, bị cáo không được phân công công việc một cách cụ thể, rõ ràng mà chỉ thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, quy chế phân cấp quản lý của công ty, Thông báo số 869/TB ngày 21-4-2012 về việc phân công nhiệm vụ là sau khi đã hoàn tất các công việc tư vấn thiết kế và đã thi công công trình; việc bị cáo ký các biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế Dự án Hòa L 3 và Hòa L 4 - Giai đoạn 1 và Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là sau khi đã được thẩm tra, thẩm định và phê duyệt bởi Sở Xây dựng; việc bị cáo ký biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát địa chất công trình xây dựng là theo nhiệm vụ được phân công, sau khi đã được các phòng ban chuyên môn của công ty kiểm tra, tham mưu trình ký, đây chỉ là bước thủ tục, nếu bị cáo không ký thì Tổng Giám đốc cũng ký; việc giao hay không giao kết quả khảo sát cho Viện Quy hoạch khi thiết kế dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 cũng không thuộc quyền hạn, trách nhiệm của bị cáo; sự cố sụt lún công trình là do nhiều nguyên nhân, chứ không chỉ do nền đất yếu mà còn có nguyên nhân khách quan do thay đổi tầng địa chất, do thời tiết và các nguyên nhân khác; việc Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi và tạm đình chỉ điều tra đối với các cá nhân có liên quan tại các đơn vị khảo sát địa chất, tư vấn thiết kế công trình, tư vấn thẩm tra, đơn vị thẩm định hồ sơ thiết kế và đơn vị thầu thi công là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án và ảnh hưởng đến việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại trong vụ án.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện và công bằng; xem xét nguyên nhân, bối cảnh của vụ án; xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình, quá trình công tác và tình trạng sức khỏe của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Hoàng Cung Thượng H tranh luận:

Bị cáo thừa nhận tại Dự án Hòa L 3 đã không làm đúng trách nhiệm được giao là không yêu cầu công ty tư vấn thiết kế lập nhiệm vụ và phương án khảo sát để tham mưu trình Tổng Giám đốc phê duyệt để triển khai khảo sát làm cơ sở phục vụ cho việc thiết kế; tại Dự án Hòa L 4, khi chưa phân giai đoạn thực tế có lập nhiệm vụ và phương án khảo sát địa chất công trình phục vụ thiết kế; Phòng Dự án tái định cư được giao nhiệm vụ giám sát, quản lý chất lượng và tham mưu, nghiệm thu hồ sơ kết quả khảo sát địa chất, bị cáo có phân công nhiệm vụ cho ông Nguyễn T F (Tổ trưởng Tổ quy hoạch)

thực hiện việc giám sát công tác khảo sát tại hiện trường, nhưng thiếu đôn đốc, kiểm tra; sau khi có kết quả khảo sát địa chất, bị cáo có ký Biên bản nghiệm thu ngày 10-9-2011, riêng Biên bản nghiệm thu ngày 10-5-2011 là ông Nguyễn T F tham mưu cho Nguyễn Văn B ký; khi Dự án Hòa L 4 phân thành 2 giai đoạn, bị cáo chủ quan không bàn giao kết quả khảo sát cho Viện Quy hoạch xây dựng để làm cơ sở phục vụ thiết kế dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2; hồ sơ thiết kế Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 không có nhiệm vụ thiết kế và được lập không căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất, không đảm bảo căn cứ nhưng vẫn tham mưu, trình Nguyễn Văn B ký là không đúng. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng nguyên nhân xảy ra sụt lún thuộc về nhiều cá nhân và đơn vị nhà thầu có liên quan, chứ không riêng gì công ty của bị cáo; việc Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi sai phạm đối với các cá nhân có liên quan ảnh hưởng đến việc giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án.

Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xem xét vụ án một cách khách quan, toàn diện và công bằng; xem xét đến vai trò, vị trí của bị cáo tại công ty, mức độ sai phạm; nguyên nhân, bối cảnh của vụ án; xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình, quá trình công tác và tình trạng sức khỏe của bị cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Công ty VLXD là Doanh nghiệp nhà nước, do UBND thành phố Đà Nẵng thành lập và làm chủ sở hữu, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và điều lệ, quy chế phân cấp quản lý của công ty, ngành nghề đăng ký kinh doanh: ... Tư vấn đầu tư xây dựng (lập dự án đầu tư, dự toán xây dựng công trình, đấu thầu với các nhà thầu trong hoạt động xây dựng), điều hành các dự án hạ tầng kỹ thuật, bố trí tái định cư…

Công ty VLXD được UBND thành phố Đà Nẵng giao nhiệm vụ và được Sở Xây dựng ủy quyền thay mặt chủ đầu tư thực hiện quản lý, điều hành các Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hòa L 3 và Dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Hòa L 4 theo Công văn số 1753/UBND-QLĐTh ngày 24-3-2010 và Giấy ủy quyền số 796/UQ-QLDA ngày 04-8-2010; Công văn số 1246/UBND-QLĐTh ngày 01-3-2010 của UBND thành phố Đà Nẵng và Giấy ủy quyền số 419/UQ-QLDA ngày 29-3-2010 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình triển khai, thực hiện các dự án trên, Công ty VLXD đã ký hợp đồng với các nhà thầu trong hoạt động xây dựng, cụ thể: Tại Dự án Hoà L 3, đơn vị tư vấn khảo sát và thiết kế là Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M; đơn vị tư vấn thẩm tra là Công ty TNHH Tư vấn xây dựng M; đơn vị thẩm định là Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng; đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng là Công ty TNHH Thương mại và tổng hợp P; đơn vị thi công dự án là Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại T. Tại Dự án Hoà L 4 - Giai đoạn 2, đơn vị tư vấn khảo sát và thiết kế là Viện Quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng; đơn vị tư vấn thẩm tra là Công ty TNHH Tư vấn xây dựng M; đơn vị thẩm định là Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng; đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng là Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ T; đơn vị thi công dự án là Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy T.

Công trình Hoà L 3 được triển khai thi công từ năm 2011, công trình Hòa L 4 -

Giai đoạn 2 được triển khai thi công từ năm 2012, hầu hết các hạng mục đã được nghiệm thu và thanh quyết toán cho các nhà thầu. Tuy nhiên, đến tháng 12-2016, thì các công trình Hòa L 3, Hòa L 4 - Giai đoạn 1, Hòa L 4 - Giai đoạn 2 đều xảy ra hiện tượng sụt lún ở tất cả các hạng mục, cao trình hiện trạng thực tế đều thấp hơn so với cao trình thiết kế được phê duyệt, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, không thể khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung tại khu vực, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cốt nền xây dựng của một số hộ dân, ảnh hưởng đến thoát nước chống ngập úng và khớp nối với công trình tuyến kênh thoát lũ tại khu vực dự án.

Tại Kết luận giám định của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thành phố Đà Nẵng đã xác định nguyên nhân dẫn đến những sai phạm gây nên sự cố sụt lún công trình: Nền đất xây dựng các công trình hầu hết là nền đất yếu, nhưng trong quá trình triển khai thiết kế cũng như thi công các công trình này đều không được tiến hành khoan khảo sát địa chất để làm cơ sở cho việc thiết kế, nên đã không tính toán cũng như đề xuất các biện pháp xử lý nền đất yếu. Trong đó, xác định sai phạm của đơn vị điều hành dự án là Công ty VLXD, với tư cách là người được chủ đầu tư ủy quyền thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng và các quy định của Nhà nước, nhưng không thực hiện đúng, đủ trách nhiệm được giao, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Như vậy, trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, Công ty VLXD với trách nhiệm là Ban quản lý, điều hành các dự án, thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo ủy quyền của Sở Xây dựng, trong đó: Nguyễn Tuấn A là Tổng Giám đốc công ty, Nguyễn Văn B là Phó tổng Giám đốc công ty và Hoàng Cung Thượng H là Trưởng phòng Phòng Dự án tái định cư của công ty đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, dẫn đến các công trình xây dựng thuộc các dự án bị sụt lún so với cao trình theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt; nguyên nhân gây ra sự cố công trình chủ yếu là do trong quá trình chuẩn bị đầu tư xây dựng đã không xác định nhiệm vụ thiết kế, không tổ chức, triển khai, phê duyệt nhiệm vụ và phương án khảo sát địa chất xây dựng đảm bảo theo quy định, không triển khai công tác khảo sát địa chất, không bàn giao kết quả khảo sát cho nhà thầu tư vấn thiết kế để làm căn cứ phục vụ triển khai hồ sơ thiết kế, dẫn đến thiết kế thiếu căn cứ, không tính toán, không đề xuất biện pháp xử lý nền đất yếu; thi công hạng mục san nền trước khi hồ sơ thiết kế được phê duyệt, dẫn đến quá trình thi công các khu vực có lớp đất yếu đã gây hiện tượng lún cố kết, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, không thể khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung tại khu vực, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cốt nền xây dựng của một số hộ dân, ảnh hưởng đến thoát nước chống ngập úng và khớp nối với công trình tuyến kênh thoát lũ tại khu vực dự án.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, T án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 298 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2.2]. Về vai trò của các bị cáo:

- Đối với Nguyễn Văn B:

Nguyễn Văn B được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty VLXD, theo

Quyết định số 1838/QĐ-CT ngày 04-8-2010 của Công ty VLXD. Nhiệm vụ cụ thể của Nguyễn Văn B được quy định tại Điều 19 Quy chế Phân cấp quản lý của Công ty VLXD (ban hành kèm theo Quyết định số 2680/QĐ-CT ngày 20-10-2010 của Công ty VLXD) và Quyết định số 1889/QĐ-CT ngày 21-8-2010 do Nguyễn Tuấn A ký ban hành phân công nhiệm vụ: *"Giúp Tổng giám đốc Công ty trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phòng Dự án tái định cư và Phòng Quản lý dự án và kỹ thuật Công ty; ký các hồ sơ có liên quan đến công tác giải tỏa đền bù, thi công hạ tầng kỹ thuật các dự án do Công ty điều hành và những yêu cầu công việc được phân công; ký các văn bản giấy tờ được phân công…"*. Như vậy, với chức vụ là Phó tổng Giám đốc Công ty, Nguyễn Văn B có trách nhiệm trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, giúp Tổng Giám đốc công ty điều hành toàn bộ các hoạt động đầu tư xây dựng các công trình mà công ty được UBND thành phố Đà Nẵng giao. Tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ tại các dự án, bị cáo đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, ký các biên bản nghiệm thu không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Tại Dự án Hòa L 3: Nguyễn Văn B đã không yêu cầu Công ty B lập nhiệm vụ khảo sát để tham mưu, đề xuất cho Nguyễn Tuấn A - Tổng Giám đốc công ty phê duyệt làm cơ sở triển khai công tác khảo sát xây dựng công trình, dẫn đến công tác khảo sát địa chất công trình bị bỏ qua không thực hiện. Mặc dù, hồ sơ thiết kế công trình được lập mà không có kết quả khảo sát địa chất công trình, không có nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở là không đủ căn cứ để nghiệm thu, nhưng ngày 30-12-2011, bị cáo vẫn đại diện Công ty VLXD ký biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hòa L 3 với ông Phan Văn T - Giám đốc Công ty B, giao cho nhà thầu thi công để tổ chức thi công, dẫn đến hậu quả công trình bị sụt lún.

Tại Dự án Hoà L 4 - Giai đoạn 2: Nguyễn Văn B được phân công nhiệm vụ theo dõi chỉ đạo công việc của Phòng Dự án tái định cư, nhưng bị cáo cũng không kiểm tra, chỉ đạo cấp dưới của mình là Hoàng Cung Thượng H thực hiện bàn giao kết quả khảo sát địa chất công trình cho Viện Quy hoạch xây dựng Đà Nẵng để làm cơ sở thiết kế. Do kết quả khảo sát địa chất không được bàn giao cho đơn vị thiết kế, nên công tác lập hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 không đúng quy định của pháp luật; đồng thời, tại giai đoạn thiết kế xây dựng công trình, bị cáo không yêu cầu đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế để tham mưu cho Nguyễn Tuấn A phê duyệt, nên bước này bị bỏ qua không thực hiện. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả khảo sát địa chất không được chuyển đến đơn vị tư vấn thiết kế, làm cho việc triển khai công tác thiết kế của Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng thiếu căn cứ.

Mặc dù, hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 được lập mà không căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất công trình, không có nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở, nên không đảm bảo các căn cứ để ký nghiệm thu, nhưng khi được Hoàng Cung Thượng H tham mưu, ký nháy thì Nguyễn Văn B đã ký biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 ngày 25-11-2011 với ông Thái N T là Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng. Tại biên bản nghiệm thu này, Nguyễn Văn B đánh giá chất lượng hồ sơ thiết kế xây dựng công trình (gồm 09 bộ) là phù hợp với nhiệm vụ thiết kế đã được phê

duyệt. Sau đó, giao cho nhà thầu thi công để tổ chức thi công, dẫn đến hậu quả công trình bị sụt lún.

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến Công trình Khu tái định cư Hòa L 3 và Hòa L 4 - Giai đoạn 2 bị sụt lún, không đảm bảo chất lượng, làm thiệt hại cho ngân sách của Nhà nước trước hết thuộc về trách nhiệm của Nguyễn Văn B, do đó bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

- Đối với Hoàng Cung Thượng H:

Hoàng Cung Thượng H được bổ nhiệm Trưởng phòng Phòng Dự án tái định cư, theo Quyết định số 1918/QĐ-CT ngày 04-8-2010 của Công ty VLXD. Nhiệm vụ của bị cáo là tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc công ty các công việc liên quan đến công tác giải tỏa, đền bù, bố trí tái định cư, lập các thủ tục thu hồi đất, các công việc có liên quan đến quá trình lập hồ sơ quy hoạch và hồ sơ dự án đầu tư xây dựng (trong đó có bước khảo sát công trình phục vụ lập hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế); tham mưu cho lãnh đạo công ty trong việc tổ chức, triển khai, đề xuất nhiệm vụ thiết kế, đề xuất nhiệm vụ và phương án khảo sát rồi trình Tổng Giám đốc phê duyệt, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về chất lượng của hoạt động khảo sát, cũng như bàn giao kết quả khảo sát cho nhà thầu tư vấn thiết kế dự án. Tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ tại các dự án, bị cáo đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, tham mưu cho Nguyễn Văn B ký biên bản nghiệm thu và trực tiếp ký các biên bản nghiệm thu không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

Tại Dự án Hoà L 3: Hoàng Cung Thượng H đã không yêu cầu Công ty B lập nhiệm vụ khảo sát để tham mưu, đề xuất cho Nguyễn Tuấn A phê duyệt làm cơ sở triển khai công tác khảo sát xây dựng công trình, dẫn đến công tác khảo sát địa chất công trình bị bỏ qua không thực hiện.

Tại Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2: Hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 được lập mà không căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất công trình, không có nhiệm vụ thiết kế làm cơ sở, nhưng vẫn được Hoàng Cung Thượng H kiểm tra, tham mưu, ký nháy để Nguyễn Văn B ký biên bản nghiệm thu ngày 25-11-2011 với Thái N T là Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng; đồng thời, bị cáo còn trực tiếp ký Biên bản nghiệm thu Hồ sơ khảo sát địa chất công trình ngày 10-9-2011. Ngoài ra, mặc dù đã được lãnh đạo Công ty VLXD giao nhiệm vụ, nhưng sau khi nghiệm thu kết quả khảo sát địa chất công trình, có được Báo cáo kết quả khảo sát, với trách nhiệm giám sát, thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, nhưng Hoàng Cung Thượng H đã không bàn giao kết quả khảo sát địa chất này cho Viện Quy hoạch Xây dựng Đà Nẵng để làm căn cứ thiết kế. Do kết quả khảo sát địa chất không được bàn giao cho đơn vị thiết kế, nên công tác lập hồ sơ thiết kế công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 không đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến Công trình Khu tái định cư Dự án Hòa L 3, Hòa L 4 - Giai đoạn 2 bị sụt lún, không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại cho ngân sách của Nhà nước phần lớn thuộc về trách nhiệm của Hoàng Cung Thượng H, do đó bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

- Đối với Nguyễn Tuấn A:

Sau khi được Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (là chủ đầu tư dự án) ủy quyền, Nguyễn Tuấn A đã họp Hội đồng thành viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân như sau:

+ Phân công Nguyễn Văn B trực tiếp theo dõi dự án Hòa L 3, Hòa L 4 và có trách nhiệm theo dõi, quản lý dự án hạ tầng kỹ thuật do công ty điều hành, ký các biên bản nghiệm thu chi tiết, nghiệm thu thanh quyết toán hợp đồng, xác nhận khối lượng thi công của các nhà thầu, Chủ tịch hội đồng đấu thầu các dự án và chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên, trước Tổng Giám đốc và pháp luật của Nhà nước; trực tiếp phụ trách 2 phòng của công ty là Phòng Quản lý dự án Kỹ thuật và Phòng Quản lý Dự án tái định cư.

+ Phân công Hoàng Cung Thượng H phụ trách theo dõi quản lý công tác lập, tiếp nhận hồ sơ quy hoạch, thiết kế dự toán các dự án; trực tiếp theo dõi quản lý Dự án Hòa L 3 và Hòa L 4.

Mặc dù, Nguyễn Tuấn A đã ủy quyền và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên công ty, nhưng trong quá trình thực hiện các dự án, với tư cách là người đứng đầu công ty, bị cáo đã không thực hiện đúng, đủ trách nhiệm của mình, từ đó để cho Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H thực hiện không đúng chức trách nhiệm vụ được giao là không yêu cầu nhà thầu lập nhiệm vụ khảo sát; không yêu cầu đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình để phê duyệt, làm cơ sở triển khai công tác thiết kế và làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá chất lượng hồ sơ thiết kế khi nghiệm thu, ký các biên bản nghiệm thu công trình không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến công trình Hòa L 3, Hòa L 4 - Giai đoạn 2 bị sụt lún, không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại cho ngân sách của Nhà nước, do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[2.3]. Về xác định thiệt hại:

[2.3.1]. Đối với việc xác định thiệt hại của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng:

Tại Kết luận giám định số 66/BC-TTKĐ ngày 11-7-2019 (đối với Công trình Khu tái định cư Hòa L 3) và tại Kết luận giám định số 110/BC-TTKĐ ngày 02-12-2019 (đối với Công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2), Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đã xác định các sai phạm của đơn vị điều hành dự án dẫn đến sự cố sụt lún công trình và dự toán kinh phí để khắc phục thiệt hại của Công trình Khu tái định cư Hòa L 3 và Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là **9.254.004.186 đồng.**

[2.3.2]. Đối với việc xác định thiệt hại của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng:

Tại Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020, Sở Xây dựng trình UBND thành phố Đà Nẵng xin ý kiến khắc phục tồn tại dự án Hòa L 3, Hòa L 4, có nội dung: … Địa chất khu vực có nền đất yếu thì việc lún tức thời không còn lún nữa; nếu còn thì độ lún còn lại rất nhỏ và sẽ diễn ra trong thời gian rất dài, hầu như không ảnh hưởng đến quá trình khai thác sử dụng. Vì vậy, việc đầu tư 2 trạm bơm chống ngập cho khu vực này là không cần thiết và không xem xét đầu tư cho 2 trạm bơm này nữa, cho phép xử lý hạ tầng kỹ thuật bằng giải pháp bù phụ cho các tuyến đường lún, mọi kinh phí phát sinh do việc xử lý này yêu cầu các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chi trả. Đối

với giải pháp xử lý sụt lún công trình, thì chi phí xây dựng xử lý sụt lún hạ tầng kỹ thuật đến nay cho 03 khu nêu trên là 1.063.195.000 đồng (Hòa liên 3: **86.776.000 đồng**; Hòa L 4 - Giai đoạn 1: 481.506.000 đồng; Hòa L 4 - Giai đoạn 2: **494.913.000 đồng).**

Như vậy, Sở Xây dựng thuộc UBND thành phố Đà Nẵng xác định kinh phí để khắc phục thiệt hại của 02 dự án (Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2) là **581.689.000 đồng.**

Do việc dự toán kinh phí để khắc phục thiệt hại của 02 (hai) dự án có sự chênh lệch rất lớn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đánh giá tính hợp pháp của các văn bản này để xác định hậu quả của vụ án.

[2.3.3]. Về tính hợp pháp của việc xác định thiệt hại:

Vụ án xảy ra năm 2011, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ căn cứ Luật Giám định tư pháp năm 2012 để xác định tính hợp pháp của các kết luận giám định.

- Đối với Kết luận giám định số 66/BC-TTKĐ ngày 11-7-2019 (công trình Khu tái định cư Hòa L 3) và Kết luận giám định số 110/BC-TTKĐ ngày 02-12-2019 (công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2) của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng:

Tổ chức giám định trong vụ án này là Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng, thuộc Chi cục giám định xây dựng và chi cục này trực thuộc Sở Xây dựng. Như vậy, Sở Xây dựng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự là UBND thành phố Đà Nẵng và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nhưng lại cử Trung tâm giám định thuộc sự quản lý, điều hành của mình để giám định và xác định thiệt hại của vụ án là không đúng pháp luật về giám định tư pháp.

Ngoài ra, sau khi nhận được quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, mặc dù Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đã có Công văn số 02/TTGĐ-KHTH ngày 10-01-2019 từ chối việc giám định, nhưng sau khi nhận được Công văn số 371/P.CSKT (Đ5) ngày 16-01-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, thì Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng đã tiến hành giám định để xác định thiệt hại của Khu tái định cư Hòa L 3 và Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là vi phạm điểm a khoản 2 Điều 34 của Luật Giám định tư pháp quy định về "Các trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp". Mặt khác, tại Kết luận giám định số 66/BC-TTKĐ ngày 11-7-2019 (đối với công trình Khu tái định cư Hòa L 3) và tại Kết luận giám định số 110/BC-TTKĐ ngày 02-12-2019 (đối với Công trình Khu tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2), Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng chỉ xác định công trình bị sụt lún, không đúng cao trình, không đảm bảo chất lượng, nhưng không kết luận thiệt hại cụ thể, mà chỉ lập bảng **dự trù kinh phí để khắc phục thiệt hại** là vi phạm Điều 32 của Luật Giám định tư pháp quy định về "Kết luận giám định tư pháp"; đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10-3-2022, đại diện Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng cho rằng các kết luận giám định nêu trên cũng chỉ mang tính tương đối và là dự trù kinh phí để khắc phục hậu quả.

Như vậy, Tổ chức giám định tư pháp trong vụ án này không đúng quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012, do đó 02 (hai) kết luận giám định nêu trên không

được Hội đồng xét xử phúc thẩm sử dụng làm chứng cứ để xác định thiệt hại của vụ án.

- Đối với Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng:

Tại điểm h khoản 1 Điều 55 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12-5-2015 của C phủ quy định*: "1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các việc sau:*

.... h) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức giám định công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 49 Nghị định này, theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn". Mặc dù, Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng về việc xác định thiệt hại của dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 không phải là kết luận giám định trong tố tụng hình sự, nhưng cũng là văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định kinh phí để khắc phục hậu quả của 02 dự án; do đó, để bảo đảm nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sử dụng Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng để xác định thiệt hại của Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là **581.689.000 đồng** làm chứng cứ để xác định thiệt hại của vụ án.

[2.4]. Về áp dụng pháp luật:

Do có căn cứ để xác định thiệt hại của Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là 581.689.000 đồng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng điểm c khoản 2 Điều 298 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[2.5]. Về hình phạt:

Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, các bị cáo đều biết rõ các yêu cầu, nguyên tắc cũng như các quy định của pháp luật trong hoạt động xây dựng công trình, nhưng quá trình triển khai, thực hiện các dự án do nhận thức không đúng về chủ trương cho phép triển khai thi công các hạng mục song song với bước lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế và dự toán, chủ trương vừa thiết kế vừa thi công, vì vô ý do tự tin, cẩu thả trước áp lực nhanh chóng bàn giao công trình để phục vụ bố trí tái định cư theo chủ trương của thành phố, nên các bị cáo đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của Luật Xây dựng về quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư trong lĩnh vực khảo sát xây dựng và thiết kế trong hoạt động xây dựng, dẫn đến công trình xây dựng thuộc Dự án tái định cư Hòa L 3 và Dự án tái định cư Hòa L 4 - Giai đoạn 2 bị sụt lún so với cao trình theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, gây thiệt hại cho Nhà nước 581.689.000 đồng (thiệt hại được xác định theo Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng); do đó, cần xử lý các bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

- Đối với Nguyễn Văn B:

Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, chỉnh trang

đô thị của thành phố, được nhiều cơ quan, ban ngành, bộ chủ quản, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng nhiều bằng khen và giấy khen; có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật do lỗi vô ý; bị cáo có nhiều bệnh lý liên quan đến huyết áp và đái tháo đường; gia đình bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng được tặng thưởng huân huy chương, bằng khen; ngoài ra, nguyên nhân của vụ án có liên quan đến nhiều cá nhân tại các nhà thầu xây dựng và sự thiếu trách nhiệm của một số cán bộ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Hoàng Cung Thượng H:

Cũng như bị cáo Nguyễn Văn B, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; trước khi phạm tội bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội; quá trình công tác bị cáo có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, chỉnh trang đô thị của thành phố, được nhiều cơ quan, ban ngành, bộ chủ quản, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng nhiều bằng khen và giấy khen; có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật do lỗi vô ý; bị cáo có nhiều bệnh lý liên quan đến huyết áp và đái tháo đường; gia đình bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng được tặng thưởng huân huy chương, bằng khen; ngoài ra, nguyên nhân của vụ án có liên quan đến nhiều cá nhân tại các nhà thầu xây dựng và sự thiếu trách nhiệm của một số cán bộ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

- Đối với Nguyễn Tuấn A:

Bị cáo thừa nhận hành vi sai phạm của mình, nhưng cho rằng lỗi thuộc về các nhà thầu khảo sát, tư vấn thiết kế; đồng thời, bị cáo cho rằng UBND thành phố Đà Nẵng cho chủ trương vừa thiết kế vừa thi công cũng là nguyên nhân phát sinh các sai phạm, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của bị cáo, việc bị cáo chỉ thừa nhận hành vi thiếu trách nhiệm, không thừa nhận tội danh mà T án cấp sơ thẩm đã quyết định là do nhận thức của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp 500.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại; trong quá trình công tác, bị cáo đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, chỉnh trang đô thị của thành phố Đà Nẵng, được nhiều cơ quan, ban ngành, bộ chủ quản, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố tặng thưởng nhiều bằng khen và giấy khen; có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật do lỗi vô ý; gia đình bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương và bằng khen; ngoài ra, nguyên nhân của vụ án có liên quan đến nhiều cá nhân tại các nhà thầu xây dựng và sự thiếu trách nhiệm của một số cán bộ công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt… Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như để bị cáo

thấy được chính sách nhân đạo của pháp luật.

[2.5]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H và Nguyễn Tuấn A giữ vị trí, nhiệm vụ của người được chủ đầu tư ủy quyền thực hiện toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư tại các dự án; sai phạm của các bị cáo dẫn tới sai phạm của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động xây dựng. Căn cứ vào Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng, thì thiệt hại mà các bị cáo gây ra đối với dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là 581.689.000 đồng; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ căn cứ vào hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là UBND thành phố Đà Nẵng. Theo đó, buộc Nguyễn Văn B bồi thường 50% trên tổng giá trị thiệt hại là 290.844.500 đồng; Hoàng Cung Thượng H bồi thường 30% trên tổng giá trị thiệt hại là 174.506.700 đồng và Nguyễn Tuấn A bồi thường 20% trên tổng giá trị thiệt hại là 116.337.800 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn B đã tự nguyên nộp 200.000.000 đồng, do đó bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 90.844.500 đồng; bị cáo Hoàng Cung Thượng H đã tự nguyện nộp 200.000.000 đồng, do đó bị cáo được trả lại 25.493.300 đồng; bị cáo Nguyễn Tuấn A đã tự nguyện nộp 500.000.000 đồng, do đó bị cáo được trả lại 383.662.200 đồng.

Vấn đề bồi hoàn trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự (nếu truy cứu trách nhiệm hình sự các cá nhân khác đối với Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4) sẽ được giải quyết trong vụ án sau hoặc sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, nếu các bị cáo có yêu cầu.

[3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

[3.1]. Về tội danh:

Kháng nghị cho rằng, T án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" theo Điều 298 của Bộ luật Hình sự là không đúng tội danh. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trong quá trình triển khai thực hiện Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2, Công ty VLXD với trách nhiệm là Ban quản lý, điều hành các dự án, thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo ủy quyền của Sở Xây dựng, trong đó: Nguyễn Tuấn A là Tổng Giám đốc công ty, Nguyễn Văn B là Phó tổng Giám đốc công ty và Hoàng Cung Thượng H là Trưởng phòng Phòng Dự án tái định cư của công ty đã không thực hiện, thực hiện không đúng các quy định của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, dẫn đến các công trình xây dựng thuộc các dự án bị sụt lún so với cao trình theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt; nguyên nhân gây ra sự cố công trình chủ yếu là do trong quá trình chuẩn bị đầu tư xây dựng đã không xác định nhiệm vụ thiết kế, không tổ chức, triển khai, phê duyệt nhiệm vụ và phương án khảo sát địa chất xây dựng đúng quy định, không triển khai công tác khảo sát địa chất, không bàn giao kết quả khảo sát cho nhà thầu tư vấn thiết kế để làm căn cứ phục vụ triển khai hồ sơ thiết kế, dẫn đến thiết kế thiếu căn cứ, không tính toán, không đề xuất biện pháp xử lý nền đất yếu; thi công hạng mục san nền trước khi hồ sơ thiết kế

được phê duyệt, dẫn đến quá trình thi công các khu vực có lớp đất yếu đã gây hiện tượng lún cố kết, ảnh hưởng đến chất lượng công trình, không thể khớp nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch chung tại khu vực, ảnh hưởng đến an toàn giao thông, cốt nền xây dựng của một số hộ dân, ảnh hưởng đến thoát nước chống ngập úng và khớp nối với công trình tuyến kênh thoát lũ tại khu vực dự án, từ đó làm thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 581.689.000 đồng.

Như vậy, hành vi phạm tội như nêu trên của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng". Do đó, T án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2]. Về giám định thiệt hại:

Theo quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012, thì Tổ chức giám định tại 02 kết luận giám định (Kết luận giám định số 66/BC-TTKĐ ngày 11-7-2019 và Kết luận giám định số 110/BC-TTKĐ ngày 02-12-2019) không đúng quy định, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm sử dụng làm chứng cứ để xác định thiệt hại của vụ án. Tuy nhiên, tại Công văn số 939/SXD-QLXD ngày 13-02-2020, Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng đã xác định thiệt hại của Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 là 581.689.000 đồng và để thực hiện nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm sử dụng công văn này để xác định thiệt hại của vụ án. Ngoài ra, tại Khu Dự án Hòa L 3 và Dự án Hòa L 4 - Giai đoạn 2 đã được người dân xây nhà, sinh sống ổn định từ năm 2016 đến nay, nên việc giám định lại để xác định thiệt hại của vụ án là không cần thiết.

[3.3]. Về bỏ lọt tội phạm và người phạm tội:

Tại kết luận thanh tra, kết luận giám định và các kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Đà Nẵng bước đầu đã chỉ ra các sai phạm trong hoạt động xây dựng của một số cá nhân tại nhà thầu khảo sát là Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M và Công ty cổ phần tư vấn và kiểm định H; các nhà thầu tư vấn khảo sát thiết kế là Công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao công nghệ B, Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc M, Viện Quy hoạch xây dựng thành phố Đà Nẵng; đơn vị tư vấn thẩm tra là Công ty cổ phần tư vấn xây dựng H, Công ty TNHH Tư vấn xây dựng M; đơn vị thẩm định và phê duyệt là Sở Xây dựng và Phòng Quản lý các hoạt động xây dựng thuộc Sở Xây dựng; đơn vị tư vấn giám sát thi công là Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T, Công ty TNHH Thương mại tổng hợp P; đơn vị thầu thi công là L danh công ty Cổ phần M , Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Thuỳ Dương và Công ty Cổ phần xây dựng và lắp máy T có dấu hiệu của các tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" và "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng do đã hết thời hạn điều tra mà chưa có đủ căn cứ để khởi tố bị can, nên ngày 04-7-2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định số 10/CSĐT-KT ngày 10-7-2020 tạm đình chỉ vụ án để tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ. Khi nào đủ cơ sở khởi tố bị can đối với các cá nhân có liên quan nêu trên, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ quyết định phục hồi điều tra để khởi tố, điều tra là có căn cứ.

Ngoài ra, qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H và Nguyễn Tuấn A tại phiên tòa sơ thẩm,

T án cấp sơ thẩm xác định ngoài hành vi sai phạm của các bị cáo trong vụ án này, thì còn liên quan đến sai phạm của các cá nhân như: Phan T Đà H, Nguyễn T F công tác tại Công ty VLXD, Nguyễn A V công tác tại UBND thành phố Đà Nẵng, nhưng chưa được điều tra xem xét và kết luận, do đó ngoài việc kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng điều tra, làm rõ để xử lý các đối tượng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra, thì T án cấp sơ thẩm còn kiến nghị xử lý các các đối tượng nêu trên là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về kê biên tài sản:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã thực hiện biện pháp kê biên tài sản để bảo đảm cho việc bồi thường thiệt hại và T án cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì:

- Lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số L-24, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Lô L-24 Khu dân cư số 06 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 143792 ngày 03-12-2007, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Hoàng Cung Thượng H.

- Lệnh kê biên tài sản số 02/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 161, 163, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: số 63 - 65 T H, phường T Bình, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 61675 ngày 24-11-2009, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Nguyễn Văn B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 593334 ngày 09-02-2010, do UBND quận H cấp cho Nguyễn Văn B.

- Tiếp tục tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sở hữu vốn tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ T giữa bị cáo Nguyễn Tuấn A và ông Nguyễn T T theo Văn bản số 3863/CSĐT-KT ngày 19-10-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cho đến khi thi hành án xong.

Tuy nhiên, do số tiền các bị cáo tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả nhiều hơn số tiền buộc bồi thường, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ hủy các Lệnh kê biên tài sản này để các bị cáo được thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với các tài sản đã bị kê biên nêu trên.

[5]. Về án phí:

Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, d và e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn A.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn B và Hoàng Cung Thượng H.

- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VC2 ngày 21-12-2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 23-11-2020 của T án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn B 03 (**ba**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Hoàng Cung Thượng H 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (bị cáo được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 25-02-2020 đến ngày 05-01-2022).

2.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 298; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 65 và Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Tuấn A 02 **(hai)** năm tù về tội "Vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (**bốn**) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tuấn A cho UBND phường Bình Hiên, quận H, thành phố Đà Nẵng để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Bình Hiên, quận H, thành phố Đà Nẵng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

T hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì T án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H và Nguyễn Tuấn A phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND thành phố Đà Nẵng số tiền 581.689.000 đồng (năm trăm tám mốt triệu sáu trăm tám chín nghìn đồng), chia theo phần:

- Nguyễn Văn B bồi thường 290.844.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 200.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000772 ngày 17-9-2020 của Cục thi

hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bị cáo còn phải bồi thường tiếp 90.844.500 đồng (chín mươi triệu tám trăm bốn bốn nghìn năm trăm đồng).

- Hoàng Cung Thượng H bồi thường 174.506.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 200.000.000 đồng đã nộp tại tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng; trả lại bị cáo Hoàng Cung Thượng H 25.493.300 đồng (hai lăm triệu bốn trăm chín ba nghìn ba trăm đồng).

- Nguyễn Tuấn A bồi thường 116.337.800 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 500.000.000 đồng đã nộp tại tài khoản số 3949.0.1054137.00000 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước thành phố Đà Nẵng; trả lại bị cáo Nguyễn Tuấn A 383.662.200 đồng (ba trăm tám ba triệu sáu trăm sáu hai nghìn hai trăm đồng).

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý kê biên tài sản:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 130 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Hủy Lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số L-24, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Lô L-24 Khu dân cư số 06 Nguyễn Du, phường Thạch Thang, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 143792 ngày 03-12-2007, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Hoàng Cung Thượng H.

- Hủy Lệnh kê biên tài sản số 02/CSĐT-KT ngày 09-7-2020 đối với quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 161, 163, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: số 63 - 65 T H, phường T Bình, quận H, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 61675 ngày 24-11-2009, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H cấp cho Nguyễn Văn B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 593334 ngày 09-02-2010, do UBND quận H cấp cho Nguyễn Văn B.

- Hủy việc tạm dừng việc chuyển nhượng quyền sở hữu vốn tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T giữa bị cáo Nguyễn Tuấn A và ông Nguyễn T T theo Văn bản số 3863/CSĐT-KT ngày 19-10-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng.

5. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2020/HS-ST ngày 23-11-2020 của T án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí T án.

Các bị cáo Nguyễn Văn B, Hoàng Cung Thượng H và Nguyễn Tuấn A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Việt Cường